TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:146/2018/ HSST
Ngày: 28 /11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hà Thị Thu Thuỷ.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1- Ông Nguyễn Văn Duẩn.
2- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.
- *Thư ký phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Thoan – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*: Ông Dương Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2018 Tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 142/2018/HSST ngày 05 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Đặng Trung T; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1998, tại BH - PY, Thái Nguyên; trú tại: tổ dân phố 1, phường BH, thị xã PY, Thái Nguyên; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn L và Nguyễn Thị V, vợ, con: chưa có.

Tiền án: Không, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/8/2018 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã Phổ Yên (có mặt).

Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984;

Trú tại: Tổ dân phố TL, phường BH, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (có mặt);

2. Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1984;

Trú tại: Tổ dân phố 4, phường BH, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Dương Văn P, sinh năm 1990;

Trú tại: Xóm TV 1, xã TC, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Cảnh Chí D, sinh năm 1998 (có mặt);

Trú tại: Tổ dân phố 2, phường BH, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1965 (có mặt);

Trú tại: Tổ dân phố 1, phường BH, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Anh Tạ Văn H, sinh năm 1966;

Trú tại: Tổ dân phố AB, phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt);

2. Anh Lưu Văn G, sinh năm 1988;

Trú tại: Xóm CS, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt);

3. Anh Phạm Văn K, sinh năm 1991;

Trú tại: Tổ 13, phường TL, Thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2018, thông qua mạng xã hội Facebook, Đặng Trung T biết một tài khoản đăng nhận làm các loại giấy tờ giả (đến nay T không nhớ tên địa chỉ của người này). Do chơi bời, nợ nần, không có tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân. T đã đặt làm giấy đăng ký xe mô tô giả mang tên của T, mục đích đi cầm cố vay tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân. Để làm được giấy tờ giải, T mượn xe mô tô nhãn hiệu SH 150i Biển kiểm soát 20H1 – 433.48 của anh Cảnh Chí D là bạn của T, rồi ghi lại số khung, số máy sau đó nhắn tin cho tài khoản Facebook đặt làm 04 giấy đăng ký xe mô tô giả mang tên Đặng Trung T. Sau khi làm được người này đã hẹn T đến khu vực ngã tư Phổ Yên, giao cho T 04 giấy tờ đăng ký xe mô tô giả và thu của T 1.200.000đ. Tuy nhiên để vay được tiền cần phải có chứng minh thư nhân dân nên T đã dùng chứng minh nhân dân gốc của mình, nên khu vực cổng trường Đại học Công nghiệp Thái Nguyên phô tô Scan màu chứng minh nhân dân của T làm 03 bản. Ngoài ra, khoảng đầu tháng 7 năm 2018, T còn mượn xe mô tô nhãn hiêu Sirius biển kiểm soát 20H1 – 377.77 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ của T. T đến quán pho to nhờ Scan màu giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô Biển kiểm soát

20H1 – 377.77 rồi gửi vào địa chỉ Gmail của Tiến. Sau đó T vào quán Internet trực tiếp sử dụng phần mềm Photoshop chỉnh sửa thông tin trong giấy đăng ký từ tên Nguyễn Thị V thành tên Đặng Trung T, sau đó gửi lại vào Gmail của mình và đến quán phô tô in mầu gần cổng trường Đại học công nghiệp Thái Nguyên in mầu thành 02 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Đặng Trung T. Sau khi đã có đầy đủ giấy tờ, T đã nhiều lần thực hiện hành vi dùng các loại giấy tờ giả trên đến các cửa hàng cho vay cầm đồ trên địa bàn thị xã Phổ Yên để vay tiền, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, ngày 03/6/2018, Tiến sử dụng giấy đăng ký giả của xe mô tô biển kiểm soát 20H1 – 433.48 và chứng minh nhân dân Scan màu mang tên T, đến cửa hàng cầm đồ TT, do chị Nguyễn Thị T làm chủ có địa chỉ: tổ dân phố TL, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, thế chấp vay của chị T số tiền 15.000.000đ, hẹn đến ngày 03/7/2018 trả, quá hạn T chưa trả, chị T kiểm tra giấy tờ thế chấp mới phát hiện là giả nên trình báo cơ quan Công an.

Lần thứ hai, ngày 18/6/2018, T mượn xe mô tô nhãn hiệu Hon da SH 150i biển kiểm soát 20H1 – 433.48 của anh Cảnh Chí D, sử dụng giấy đăng ký giả xe mô tô này và chứng minh nhân dân phô tô Scan màu mang tên T đến cửa hàng cầm đồ Phương Linh do anh Dương Văn P làm chủ, địa chỉ: khu công nghiệp YB, phường ĐT, thị xã Phổ Yên, để thế chấp vay số tiền 5.000.000đ, Anh P nghi ngờ giấy tờ giả nên anh P đã trình báo cơ quan Công an, tạm giữ của T 01 giấy đăng ký xe mô tô Biển kiểm soát 20H1 – 433.48, 01 chứng minh nhân dân số 091918761 đều mang tên Đặng Trung T nghi là giấy tờ giả cùng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da SH 150i Biển kiểm soát 20H1 – 433.48 bàn giao cho Cơ quan điều tra.

Lần thứ ba, ngày 08/7/2018,T mượn xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển kiểm soát 20H1 – 377.77 của bà V (mẹ T) và sử dụng đăng ký xe mô tô giả cùng giấy chứng minh nhân dân Scan màu mang tên mình đến cơ sở hỗ trợ tài chính Tuấn Vũ, do anh Nguyễn Thành T làm chủ, địa chỉ: tổ dân phố AB, phường ĐT, thị xã Phổ Yên, hỏi vay số tiền 6.000.000đ, anh T nghi ngờ là giấy tờ giả nên đã trình báo Công an phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên tạm giữ 01 chứng minh nhân dân, 01 đăng ký xe mô tô số 014462, biển kiểm soát 20H1 – 377.77 cùng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius Biển kiểm soát 20H1 – 377.77 bàn giao cho Cơ quan điều tra.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Đặng Trung T (bản gốc); 03 chứng minh thư nhân dân số 091918761 mang tên Đặng Trung T (bản in mầu); 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014462 mang tên Đặng Trung T, biển số đăng ký : 20H1 – 433.48; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014462 mang tên Đặng Trung T, biển số đăng ký 20H1 – 377.77.

Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy mẫu dấu tròn tại phòng CSGT Công an tỉnh Thái Nguyên để tiến hành trưng cầu giám định giấy tờ thu giữ của Tiến.

Tại bản kết luận giám định số 898/KL-PC54 ngày 25/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Hình dấu tròndỏ trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1) không phải con dấu có hình dấu mẫu trên tài liệu (ký hiện M1) đóng ra, in bằng phương pháp in ảnh màu.

Hình dấu tròn đỏ trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A2) không phải do con dâu có hình dấu mẫu trên tài liệu (ký hiệu M2) đóng ra, in bằng phương pháp in ảnh màu.

Bản cáo trạng số 144/CT-VKSPY ngày 05/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Đặng Trung T về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa Đặng Trung T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341, điểm s Điều 51, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Đặng Trung T từ 30 đến 36 tháng tù giam.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T phải hoàn trả lại cho chị T: 15.000.000đồng.

Về vật chứng: Tich thu tiêu hủy: 03 chứng minh thư nhân dân số 091918761 mang tên Đặng Trung T (bản in mầu); 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014462 mang tên Đặng Trung T, biển số đăng ký : 20H1 – 433.48; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014462 mang tên Đặng Trung T, biển số đăng ký 20H1 – 377.77. Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Đặng Trung T (bản gốc).

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo thừa nhận việc truy tố và xét xử là không oan, đúng người, đúng tội, bị cáo nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát, không tranh luận gì. Nói lời sau cùng các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉTXỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng:*

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã PY, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] . Về hành vi phạm tội của bị cáo.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định: Do muốn có tiền tiêu sài và trả nợ. Khoảng tháng 3 năm 2018, thông qua mạng xã hội Facebook, Đặng Trung T đã có hành vi đặt làm giả 04 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 20H1 – 433.48 của anh Cảnh Chí D mang tên mình,đồng thời phô tô Scan mầu giấy chứng minh nhân dân của mình và trực tiếp chỉnh sửa thông tin và photo Scan 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm sát 20H1 – 377.77của bà Nguyễn Thị V mang tên mình. Nhiều lần sử dụng các giấy tờ giả trên mang đi thế chấp, cầm cố để vay tiền tại các cửa hàng cho vay, cầm đồ, cụ thể: Lần thứ nhất, ngày 03/6/2018, Tiến sử dụng giấy đăng ký giả xe mô tô biển kiểm soát 20H1 – 433.48 và chứng minh thư Scan màu của mình đến cửa hàng cầm đồ TT, do chị Nguyễn Thị T làm chủ, tại tổ dân phố TL, phường BH, thị xã Phổ Yên, thế chấp vay số tiền 15.000.000đ; Lần thứ hai, ngày 18/6/2018, T mượn xe mô tô nhãn hiệu Hon da SH 150i Biển kiểm soát 20H1 – 433.48 của anh D, sử dụng giấy đăng ký giả xe mô tô này và chứng minh nhân dân photo Scan màu mang tên mình đến cửa hàng cầm đồ Phương Linh, do anh Dương Văn P làm chủ, tại khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, thế chấp vay số tiền 5.000.000đ; Lần thứ ba, ngày 08/7/2018,T mượn xe mô tô nhãn hiệu Sirius Biển kiểm soát 20H1 – 377.77 của bà V và sử dụng giấy đăng ký giả xe mô tô này cùng giấy chứng minh thư nhân dân Scan màu đến cơ sở hỗ trợ tài chính Tuấn Vũ, do anh Nguyễn Thành T làm chủ, tại tổ dân phố AB, phường ĐT, thị xã Phổ Yên, hỏi vay số tiền 6.000.000đ. Bị anh T và anh P phát hiện nghi ngờ là giấy tờ giả nên đã trình báo

cơ quan Công an. Như vậy Đặng Trung T đã có hành vi làm giả chứng minh thư nhân dân mang tên Đặng Trung T, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 20H1-377.77 và sử dụng tài liệu giả. Hành vi, ý thức nêu trên của Đặng Trung T đã đủ yếu tố cấu thành tội: *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341Bộ luật Hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 341 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu,tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a) ...

b) Phạm tội từ 02 lần trở lên;

c) Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác;

[3] Xét tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tổ chức và của cá nhân. Do đó việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử bằng pháp luật hình sự là cần thiết, nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Xét về nhân thân: Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động, là công nhân, xong đã không chịu lao động mà lại đua đòi, rồi dẫn đến việc nợ nần nhiều, khi không có tiền chi tiêu, trả nợ và thích kiếm tiền một cách nhàn hạ mà không chịu bỏ sức lao động chân chính, chính từ đó đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7 Về hình phạt: Bị cáo phạm tội nghiêm trọng, trong một thời gian ngắn bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội. Khi bị phát hiện và đã bị trình báo cơ quan Công an bị cáo đã không dừng lại mà lại tiếp tục phạm tội. Thể hiện ý thức thực hiện tội phạm đến cùng. Qua đó thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, làm cho nhân dân bất bình. Do vậy cần có mức án nghiêm khắc, buộc bị cáo cách ly khỏi

xã hội một thời gian mới có thể cải tạo các bị cáo thành công dân tốt và cũng để răn đe, phòng ngừa chung.

Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của chị T là 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng) đến nay bị cáo chưa trả lại cho chị T. Do vậy cần buộc bị cáo T có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị T số tiền trên.

Đối với Anh Nguyễn Thành T, anh Dương Văn P là hai người bị cáo T đến đặt vấn đề vay tiền và đưa giấy tờ giả để cầm cố, các anh đã phát hiện và chưa đưa tiền cho bị cáo, đồng thời đã báo cho cơ quan Công an đến thu giữ số giấy tờ trên. Nên chưa gây ra thiệt hại gì cho anh T và anh P.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da SH 150i Biển kiểm soát 20H1 – 433.48, Tiến mượn của anh Cảnh Chí D và chiếc mô tô nhãn hiệu Sirius Biển kiểm soát 20H1 – 377.77, T mượn của bà Nguyễn Thị V, quá trình điều tra xác định khi cho mượn anh D và bà V không biết T sử dụng vào mục đích phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả cho anh D, bà V quản lý và sử dụng. Nên không đặt ra việc giải quyết.

Ngoài ra, T còn khai: Khoảng cuối tháng 3, đầu tháng 4 năm 2018, T đã sử dụng giấy tờ giả là đăng ký xe mô tô Biển kiểm soát 20H1 – 433.48 và chứng minh thư nhân dân Scan mầu của Tđến quầy cầm đồ Thuận Tình ở xã Tân Hương, Phổ Yên thế chấp vay số tiền 20.000.000đ, vay được khoảng 01 tháng nhưng không bị phát hiện, T trả lại tiền và lấy lại giấy tờ. Vay của anh Lưu Văn G số tiền 40.000.000đ, được khoảng 15 ngày thì anh G phát hiện, yêu cầu T trả lại, T đã trả lại tiền cho anh G và lấy lại giấy tờ. Do vậy không đặt ra việc giải quyết.

[9]. Về vật chứng gồm: 03 chứng minh thư nhân dân số 091918761 mang tên Đặng Trung T (bản in mầu); 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014462 mang tên Đặng Trung T, biển số đăng ký : 20H1 – 433.48; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014462 mang tên Đặng Trung T, biển số đăng ký 20H1 – 377.77. Đây là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy. 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Đặng Trung T(bản gốc) là giấy tờ tùy thân của bị cáo. Nay nên trả lại cho bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

[10] Các hành vi khác: T khai đối tượng nhận làm giả 04 giấy tờ đăng ký xe mô tô nhãn hiệu SH 150i Biển kiểm soát 20H1 – 433.48 của anh Cảnh Chí D và thu của T 1.200.000đ. Là người T biết được thông qua mạng xã hội Facebook, đến nay T không nhớ tên địa chỉ của người này. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ đề nghị xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo Đặng Trung T phạm tội: "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

1. Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Đặng Trung T 36 (ba mươi sáu) tháng tù giam. Thời hạn thụ hình tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/8/2018.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, ra Quyết định tạm giam bị cáo Đặng Trung T 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584,585,586, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Đặng Trung T có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo không thi hành được khoản tiền trên, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bị cáo phải chịu lãi suất chậm trả của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 89 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 03 chứng minh thư nhân dân số 091918761 mang tên Đặng Trung T (bản in mầu); 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014462 mang tên Đặng Trung T, biển số đăng ký : 20H1 – 433.48; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014462 mang tên Đặng Trung T, biển số đăng ký 20H1 – 377.77. Đây là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy.

Trả lại cho bị cáo Đặng Trung T: 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Đặng Trung T (bản gốc).

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận giữa cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên ngày 06/11/2018).

4.Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đặng Trung T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 750.000đồng án phí dân sự để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND Tỉnh TN;
-VKSND thị xã PY;
- Trại giam tỉnh TN;
- CA thị xã PY;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- CCTHADS-TDA;
- UBND phường BH;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Hà Thị Thu Thủy